

Họ tên:	Lớp:	Ngày
----------------	-------------	-------------

Phần 1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Năm 1460, sau khi lên ngôi, vua Lê Thánh Tông đã tiến hành

- A. cuộc cải cách trên nhiều lĩnh vực. B. mở cuộc tiến công sang Trung Quốc.
C. công cuộc thống nhất đất nước. D. khuyến khích phát triển ngoại thương.

Câu 2. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng mục đích cải cách của vua Lê Thánh Tông?

- A. Tăng cường quyền lực của hoàng đế và củng cố bộ máy nhà nước.
B. Giải quyết tình trạng khủng hoảng trầm trọng của đất nước bấy giờ.
C. Biến nước ta trở thành cường quốc lớn mạnh hàng đầu trong khu vực.
D. Tăng cường tiềm lực đất nước chuẩn bị đối phó với giặc ngoại xâm.

Câu 3. Công cuộc cải cách của Lê Thánh Tông được tiến hành trên mọi lĩnh vực, nhưng tập trung chủ yếu vào lĩnh vực

- A. kinh tế. B. giáo dục. C. hành chính. D. văn hóa.

Câu 4. Năm 1471, vua Lê Thánh Tông cho lập thêm đạo thừa tuyên thứ 13 có tên gọi là

- A. Hà Nội. B. Phú Xuân. C. Quảng Nam. D. Tây Đô.

Câu 5. Để quản lý đất nước, vua Lê Thánh Tông đã cho ban hành bộ luật nào sau đây?

- A. Hình thư B. Hoàng Việt luật lệ. C. Hình luật. D. Quốc triều hình luật.

Câu 6. Ruộng đất công ở các làng xã thời Lê Thánh Tông được phân chia theo chế độ nào sau đây?

- A. Điền trang. B. Lộc điền. C. Quân điền. D. Hạng điền.

Câu 7. Nội dung nào sau đây là cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực quân đội, quốc phòng?

- A. Bãi bỏ hầu hết các chức quan đại thần có quyền lực lớn.
B. Chú trọng xây dựng đội ngũ quan lại có phẩm chất tốt.
C. Chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật quản lý đất nước.
D. Tổ chức các kì thi khảo võ nghệ để tuyển chọn tướng sĩ.

Câu 8. “Coi trọng biên soạn quốc sử” là nội dung cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực nào sau đây?

- A. Quân đội. B. Văn hóa. C. Luật pháp. D. Kinh tế.

Câu 9. Biển Đông là vùng biển thuộc

- A. Ấn Độ Dương. B. Thái Bình Dương. C. Đại Tây Dương. D. Địa Trung Hải.

Câu 10. Eo biển Ma-lắc-ca là điểm điều tiết giao thông quan trọng bậc nhất ở châu lục nào sau đây?

- A. Châu Âu. B. Châu Mỹ. C. Châu Phi. D. Châu Á.

Câu 11. Biển Đông là vùng biển chung của 9 quốc gia ở châu Á, trong đó có

- A. Trung Quốc B. Lào C. Ấn Độ D. Nhật Bản

Câu 12. Ở Biển Đông, nguồn tài nguyên thiên nhiên nào sau đây có trữ lượng vào loại lớn nhất thế giới?

- A. Muối biển. B. Băng cháy. C. Dầu khí. D. Quặng sắt.

Câu 13. Ngành kinh tế nào sau đây của Biển Đông được đẩy mạnh nhờ hệ sinh vật đa dạng dưới đáy biển và cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp?

- A. Du lịch biển.
- B. Nuôi trồng thủy, hải sản.
- C. Khai thác khoáng sản.
- D. Đánh bắt cá.

Câu 14. Nội dung nào sau đây thể hiện tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông?

- A. Là tuyến hàng hải quốc tế nhộn nhịp nhất trên thế giới.
- B. Là tuyến hàng hải nối Thái Bình Dương với Bắc Băng Dương
- C. Có nguồn tài nguyên thiên nhiên biển phong phú.
- D. Là tuyến giao thông hàng hải duy nhất trên biển.

Câu 15. Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của quốc gia nào sau đây?

- A. Trung Quốc.
- B. Hàn Quốc.
- C. Việt Nam.
- D. Nhật Bản.

Câu 16. Hiện nay, quần đảo Hoàng Sa trực thuộc quyền quản lý hành chính của

- A. thành phố Đà Nẵng.
- B. tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- C. tỉnh Cà Mau.
- D. tỉnh Khánh Hòa

Câu 17. Hiện nay, quần đảo Trường Sa trực thuộc quyền quản lý hành chính của

- A. thành phố Đà Nẵng.
- B. tỉnh Kiên Giang.
- C. tỉnh Khánh Hòa.
- D. tỉnh Nghệ An.

Câu 18. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng tầm quan trọng của quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đối với Việt Nam về mặt quốc phòng – an ninh?

- A. Xây dựng các trạm thông tin, dừng chân, tiếp nhiên liệu cho các tàu.
- B. Hình thành tuyến phòng thủ nhiều tầng, từ xa đến gần bảo vệ đất liền.
- C. Tạo thế mạnh cho dịch vụ hàng hải và đánh bắt hải sản trong khu vực
- D. Giúp xây dựng các khu bảo tồn, trung tâm nghiên cứu sinh vật biển.

Câu 19. Cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đều tạo thuận lợi để Việt Nam phát triển ngành kinh tế nào sau đây?

- A. nông nghiệp lúa nước
- B. lâm nghiệp
- C. công nghiệp chế tạo
- D. khai thác hải sản

Câu 20. Bờ biển nước ta dài khoảng 3260 km, kéo dài từ

- A. tỉnh Quảng Ninh đến tỉnh Kiên Giang.
- B. tỉnh Quảng Ninh đến tỉnh An Giang
- C. tỉnh Thái Bình đến tỉnh Cà Mau.
- D. tỉnh Nam định đến tỉnh Bình Thuận.

Câu 21. Biển Đông nước ta góp phần quan trọng vào việc phát triển các ngành kinh tế trọng điểm, ngoại trừ

- A. nông nghiệp trồng lúa nước.
- B. thương mại hàng hải.
- C. nuôi trồng thủy sản.
- D. du lịch - dịch vụ.

Câu 22. Về quốc phòng, an ninh, tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam được thể hiện ở điểm nào sau đây?

- A. Là nơi có trữ lượng dầu khí lớn nhất thế giới.

- B. Là nơi có nguồn tài nguyên sinh vật đa dạng.
- C. Là khu vực tập trung các tuyến đường chiến lược.
- D. Là tuyến phòng thủ từ phía đông của đất nước.

Câu 23. Hệ thống các cảng nước sâu và cảng trung bình được xây dựng dọc Biển Đông là điều kiện thuận lợi cho Việt Nam phát triển ngành kinh tế chủ yếu nào sau đây?

- A. nông nghiệp lúa nước.
- B. thương mại hàng hải.
- C. nuôi trồng thủy sản.
- D. khai thác tài nguyên biển.

Câu 24. Cảnh quan ở Biển Đông đa dạng với nhiều bãi cát, vịnh, hang động, tạo điều kiện cho Việt Nam phát triển ngành kinh tế mũi nhọn nào sau đây?

- A. Khai khoáng.
- B. Du lịch.
- C. Thương mại.
- D. Hàng hải.

Câu 25. Một trong những nguồn tài nguyên quan trọng nhất ở thềm lục địa Việt Nam ở Biển Đông là

- A. dầu khí.
- B. gỗ lim.
- C. cánh kiến.
- D. đồi mồi.

Câu 26. Quốc gia đầu tiên khai phá, xác lập chủ quyền và quản lý liên tục đối với quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa là

- A. Việt Nam.
- B. Trung Quốc
- C. Thái Lan.
- D. Campuchia.

Câu 27. Một trong những công trình sử học và địa lí ghi chép về cương vực, lãnh thổ và hoạt động thực thi, bảo vệ chủ quyền của nhà nước phong kiến Việt Nam ở quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa là

- A. Đại Nam thực lục.
- B. Hịch tướng sĩ.
- C. Bình Ngô đại cáo.
- D. Ước Trại thi tập.

Câu 28. Từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX, tổ chức nào sau đây có nhiệm vụ đến khai thác sản vật, thực thi chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa?

- A. Đội Hoàng Sa, Bắc Hải
- B. Đội Trường Sa, Bắc Hải
- C. Đội Hoàng Sa, Trường Sa.
- D. Đội Nam Hải, Đông Hải

Câu 29. Dưới thời kỳ nhà Nguyễn, một trong những biện pháp của Nhà nước nhằm xác lập chủ quyền và quản lý đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là

- A. xây dựng trạm vô tuyến điện
- B. khảo sát đo vẽ bản đồ
- C. thành lập các huyện đảo
- D. xây dựng ngọn hải đăng

Câu 30. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thông qua việc

- A. thành lập huyện đảo Hoàng Sa và Trường Sa
- B. thành lập đội Hoàng Sa, Bắc Hải và Trường Sa
- C. cho hoàn thiện tập Đại Nam nhất thống toàn đồ
- D. cử thủy quân ra tuần tra đảo định kỳ hàng năm

Câu 31. Chủ trương nhất quán của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong việc giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông hiện nay là

- A. đấu tranh hòa bình.
- B. bạo lực cách mạng.
- C. chiến tranh cách mạng.
- D. bãi công, bãi khóa

Câu 32. Văn kiện nào sau đây được kí kết giữa các nước ASEAN và Trung Quốc nhằm duy trì hòa bình và ổn định ở Biển Đông?

- A. Luật Biển Việt Nam
- B. Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông
- C. Luật Biên giới quốc gia
- D. Tuyên bố về các vùng biển và thềm lục địa Việt Nam

Câu 33. Văn kiện nào sau đây do Nhà nước Việt Nam ban hành, khẳng định chủ quyền của nước ta đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa?

- A. Công ước Liên hợp quốc về Luật biển
- B. Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông
- C. Luật Cảnh sát biển Việt Nam
- D. Hiến chương Liên hợp quốc

Câu 34. Nội dung nào sau đây là một trong những khó khăn của Việt Nam trong việc bảo vệ quyền, chủ quyền và các lợi ích hợp pháp trên Biển Đông hiện nay?

- A. Sự bất đồng về quan điểm giữa các bên liên quan đến Biển Đông
- B. Lực lượng quân sự của ta quá yếu so với các nước Đông Nam Á
- C. Các Ủy viên thường trực của Liên Hợp Quốc đều ủng hộ Trung Quốc.
- D. Thiếu các bằng chứng pháp lí để khẳng định chủ quyền ở Biển Đông.

Phần 2. Trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Biển Đông là tên do người Việt Nam đặt từ xa xưa cho vùng biển nằm ở phía đông đất nước (Dư địa chí của Nguyễn Trãi năm 1435). Tên tiếng Anh của Biển Đông là South China Sea, do tổ chức Thủy đặc quốc tế đặt theo thông lệ quốc tế dựa vào tên địa danh của một quốc gia ven biển có diện tích lãnh thổ đất liền lớn nhất nhưng tên gọi này không hàm ý về chủ quyền. Người Trung Quốc gọi là Nam Hải, người Philippines gọi là Biển Tây”

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ chân trời sáng tạo, tr.77)

- a. Biển Đông có nhiều tên gọi khác nhau tùy theo cách gọi của từng quốc gia.
- b. Tổ chức Thủy đặc quốc tế đặt tên cho Biển Đông là South China Sea (tức là vùng biển phía Nam Trung Quốc) vì Trung Quốc là quốc gia ven Biển Đông có diện tích lớn nhất.
- c. Theo tổ chức Thủy đặc quốc tế, Biển Đông là vùng biển thuộc chủ quyền duy nhất của Trung Quốc.
- d. Biển Đông là tên do người Việt Nam đặt do vùng biển này nằm ở phía đông đất nước Việt Nam, nhưng người Philippines lại gọi là Biển Tây vì vùng biển này nằm ở phía tây đất nước Philippines.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Quần đảo Hoàng Sa (trực thuộc huyện đảo Hoàng Sa, thành phố Đà Nẵng) bao gồm hai nhóm đảo chính: nhóm phía tây (nhóm Lưỡi Liềm hay Trăng Khuyết) gồm một số đảo như Hoàng Sa, Tri Tôn, Hữu Nhật, Duy Mộng,...; nhóm phía đông (nhóm An Vĩnh) gồm các đảo tương đối lớn như Phú Lâm, Đa Cây, Linh Côn và các bãi ngầm, trong đó lớn nhất là đảo Phú Lâm.

Quần đảo Trường Sa (trực thuộc huyện đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa) được chia thành 8 cụm là Song Tử, Loại Ta, Thị Tứ, Nam Yết, Sinh Tồn, Trường Sa, Thám Hiểm (An Bang) và Bình Nguyên.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ cánh diều, tr.81)

- a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về tiềm năng phát triển du lịch của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.
- b. Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa lần lượt trực thuộc thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa.
- c. Đảo Phú Lâm là một trong những đảo lớn nhất thuộc nhóm phía đông của quần đảo Hoàng Sa.
- d. Nhóm đảo Loại Ta là một trong tám cụm thuộc quần đảo Trường Sa.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Biển Đông là tuyến đường giao thông biển huyết mạch kết nối Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương, châu Âu với châu Á. Khu vực này có nhiều eo biển đặc biệt quan trọng đối với thương mại toàn cầu, như eo Đài Loan, Ba – si, Ga – xpa, Ca – li – man – tan và đặc biệt là Ma – lắ – ca – “hành lang” hàng hải chính, kết nối nhiều nước, trong đó có 3 nước đông dân của thế giới là Ấn Độ, In – đô – nê – xi – a và Trung Quốc. Mỗi ngày có khoảng từ 150 – 200 tàu các loại qua lại Biển Đông, trong đó có khoảng 50% là tàu có trọng tải trên 5000 tấn, hơn 10% là tàu có trọng tải từ 30 000 tấn trở lên. Lượng dầu lửa và khí hóa lỏng được vận chuyển qua vùng biển này lớn gấp 15 lần lượng chuyên chở qua kênh đào Pa – na – ma.

- a. Những thông tin đoạn tư liệu cung cấp cho thấy Biển Đông là địa bàn chiến lược quan trọng về kinh tế ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương.
- b. Biển Đông là tuyến đường biển duy nhất nối liền Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương, châu Âu với châu Á.
- c. Khu vực Biển Đông có rất nhiều eo biển quan trọng, trong đó quan trọng nhất là eo biển Ma – lắ – ca.
- d. Mỗi ngày có khoảng 150 – 200 tàu với các trọng tải khác nhau qua lại Biển Đông, , trong đó tài chở dầu và khí hóa lỏng đều có trọng tải từ 30 000 tấn trở lên.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Biển là bộ phận cấu thành chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, là không gian sinh tồn, cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn; phát triển bền vững kinh tế biển gắn liền với đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển. Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là quyền và nghĩa vụ của mọi tổ chức, doanh nghiệp và người dân Việt Nam.”

(Nghị quyết số 36 – NQ/TW ngày 22 - 10 – 2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045)

- a. Nghị quyết số 36 – NQ/TW ngày 22 - 10 – 2018 của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra nhiều bằng chứng khẳng định Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam.
- b. Quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Việt Nam hiện nay có sự gắn bó mật thiết với Biển Đông.
- c. Trách nhiệm phát triển bền vững kinh tế biển không liên quan đến những người dân sống trong khu vực đất liền.
- d. Nhiệm vụ phát triển kinh tế biển với đảm bảo an ninh quốc phòng luôn có sự gắn bó mật thiết, không tách rời nhau.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Đại Nam nhất thống toàn đồ là bản đồ Việt Nam dưới thời Nguyễn, được vẽ vào khoảng năm 1838, ghi rõ “Hoàng Sa”, “Vạn Lý Trường Sa” thuộc lãnh thổ Việt Nam, phía ngoài các đảo ven bờ miền Trung Việt Nam

thuộc lãnh thổ Việt Nam. Trong bài “Địa lý Vương quốc Cô – chin – chi – na” (Tạp chí Hội Địa lí Hoàng gia Luân Đôn, Tập 19, 1849, tr.93) của Gút – láp, có đoạn ghi rõ Pa – ra – xeo (tức Hoàng Sa) thuộc lãnh thổ Việt Nam và chú thích cả tên Việt Nam là “Cát Vàng”.

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ Cánh diều, tr.86)

- a. Đại Nam nhất thống toàn đồ là bản đồ Việt Nam dưới thời Nguyễn, được vẽ vào thế kỉ XVIII.
- b. Đại Nam nhất thống toàn đồ là một tài liệu, căn cứ để khẳng định Hoàng Sa và Trường Sa trong lịch sử thuộc chủ quyền của Việt Nam.
- c. Chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa còn được ghi chép trong các tài liệu của người nước ngoài.
- d. Đại Nam nhất thống toàn đồ là tấm bản đồ duy nhất của Việt Nam hiện nay thể hiện Hoàng Sa và Trường Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam.

Câu 6. Đọc đoạn thông tin sau đây:

Với chủ trương nhất quán giải quyết các tranh chấp, bất đồng trên biển bằng biện pháp hòa bình, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc áp dụng có hiệu quả Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 để giải quyết các tranh chấp về phân định biển với các nước láng giềng. Việt Nam đã chủ động cùng các quốc gia có liên quan đàm phán, phân định các vùng biển chồng lấn theo quy định của Công ước, góp phần tạo môi trường ổn định, hòa bình, hợp tác và phát triển, như kí thỏa thuận hợp tác cùng phát triển dầu khí với Ma – lai – xi – a (1992), phân định biển với Thái Lan (1997), phân định Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc (2000), phân định thềm lục địa với In – đô – nê – xi – a (2003).

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ Cánh diều, tr.89)

- a. Việt Nam chủ trương nhất quán giải quyết các tranh chấp trên Biển Đông thông qua biện pháp hòa bình, thương lượng.
- b. Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển là một văn bản pháp lý quan trọng giúp Việt Nam có thể giải quyết các tranh chấp trên biển thông qua luật pháp quốc tế.
- c. Việt Nam đã chủ động đàm phán và kí kết thỏa thuận với nhiều quốc gia có chung Biển Đông nhằm đảm bảo hòa bình, an ninh trên biển.
- d. In – đô – nê – xi – a và Việt Nam đã đàm phán và cùng đi đến thỏa thuận hợp tác phát triển dầu khí trên biển năm 2003.

Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Quá khứ đã sang trang”, “sự kiện 14 – 3” cũng lùi vào dĩ vãng, song lịch sử thì không thể không nhắc nhở... Dù thời gian, năm tháng trôi, những trái tim Việt Nam vẫn không thể nào quên khúc bi tráng của những chiến sĩ hải quân Việt Nam. Trung tá hải quân Nguyễn Viết Chức (Lữ đoàn 171) từng nói: “Máu xương hôm qua đổ xuống là bài học để hôm nay chúng ta giữ biển, đảo bằng sức mạnh dân tộc. Trận chiến Gạc Ma đã được ghi trong chính sử Hải quân. Trận chiến ấy là nỗi đau mang hồn Tổ quốc. 64 liệt sĩ đã ngã xuống, mãi mãi bất tử trong lòng nhân dân.

- a. “Sự kiện 14 – 3” được nhắc đến ở đây chính là cuộc đấu tranh anh dũng của các chiến sĩ hải quân Việt Nam chống lại cuộc tấn công của tàu chiến Trung Quốc trên đảo Gạc Ma.
- b. Sự kiện Gạc Ma được nhắc lại vừa để khơi dậy mối thù hằn dân tộc, vừa để thế hệ trẻ sống có trách nhiệm và quyết tâm bảo vệ chủ quyền biển, đảo.
- c. Theo trung tá hải quân Nguyễn Viết Chức, trận chiến Gạc Ma là thất bại của người dân Việt Nam trong lịch sử, nỗi đau ấy cần phải được quên đi.

d. Tài liệu về trận chiến Gạc Ma hiện nay chỉ được ghi chép trong chính sử của Hải quân Việt Nam.